TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST Ngày: 11-3-2022 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Hà Văn Châu.

2/. Ông Huỳnh Phước.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/02/2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: đường N, khóm 3, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Lê Tuấn H, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường N, khóm 3, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/05/2021 và lời trình bày của bà Lê Thị H tại phiên toà thì:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Phạm Lê Tuấn H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 01 ngày 16/5/2007. Thời gian đầu, vợ chồng sinh sống hạnh phúc, nhưng từ tháng 01 năm 2020 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 03 người con chung là cháu Phạm Lê Phương A (nữ, sinh ngày 04/10/2007), cháu Phạm Tuấn H (nam, sinh ngày 13/7/2010) và cháu Phạm Bảo A (nữ, sinh ngày 10/12/2016).

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị H tự trình bày không có.

Nay bà Lê Thị H yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Lê Tuấn H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Bảo A (nữ, sinh ngày 10/12/2016) đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Đồng ý giao cháu Phạm Lê Phương A (nữ, sinh ngày 04/10/2007), cháu Phạm Tuấn H (nam, sinh ngày 13/7/2010) cho ông Phạm Lê Tuấn H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị H tự trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời trình bày của ông Phạm Lê Tuấn H tại văn bản trình bày ý kiến ngày 12/01/2022 thì:

Ông Phạm Lê Tuấn H thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H về quan hệ hôn nhân, về con chung và cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Đối với bị đơn là ông H đã không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Phạm Lê Tuấn H, xét thấy: Bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Phạm Lê Tuấn H.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Phạm Lê Tuấn H, thấy rằng: Bà H và ông H xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp với quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2007 tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89, nên hôn nhân của bà H và ông H là hợp pháp.

Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì bà H và ông H phát sinh mâu thuẫn từ tháng 01 năm 2020 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng mâu thuẫn vẫn không thể giải quyết. Từ đầu năm 2020 đến nay bà H và ông H không còn sống chung như vợ chồng. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập ông H đến làm việc và hòa giải nhưng ông H không đến để hòa giải, chỉ gởi văn bản trình bày ý kiến thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn bà H. Xét thấy những mâu thuẫn trên thể hiện được tình trạng hôn nhân của bà H và ông H đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được; hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau như vợ chồng, thể hiện được cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, ông bà không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Bảo A (nữ, sinh ngày 10/12/2016). Đồng ý giao cháu Phạm Lê Phương A (nữ, sinh ngày 04/10/2007), cháu Phạm Tuấn H (nam, sinh ngày 13/7/2010) cho ông Phạm Lê Tuấn H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy: Hiện nay, cháu Phạm Bảo A đang sống chung với bà H, cháu Phạm Lê Phương A và cháu Phạm Tuấn H đang sống chung với ông H. Các cháu sức khỏe vẫn tốt, học hành bình thường cuộc sống ổn định. Đồng thời, bà H và ông H cũng thống nhất sau khi ly hôn bà H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo A, còn ông H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương

A và cháu H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con sau khi ly hôn.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án phía phía nguyên đơn bà H và bị đơn ông H không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, bà H và ông H đều có đủ điều kiện về kinh tế để đảm bảo nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Phạm Lê Phương A và cháu Phạm Tuấn H. Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Phạm Bảo A.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà H và ông H trình bày trong thời gian chung sống giữa ông bà không có tạo lập tài sản chung cũng như không có nợ chung, cho nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ: Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326//UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Phạm Lê Tuấn H.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Bảo A (nữ, sinh ngày 10/12/2016). Ông Phạm Lê Tuấn H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Lê Phương A (nữ, sinh ngày 04/10/2007) và cháu

Phạm Tuấn H (nam, sinh ngày 13/7/2010). Bà H và ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Phạm Lê Phương A và cháu Phạm Tuấn H. Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Phạm Bảo A.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng. Sau khi cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0007992 ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Lê Thị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bà Lê Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Ông Phạm Lê Tuấn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND phường 2, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phước Tài